

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG MẦM NON PHƯỚC BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2024 - 2025

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ đạt được	- Thực hiện tuyển sinh theo quy định, điều lệ trường mầm non - 01 lớp 25 – 36 tháng - Diện tích phòng học đảm bảo cho số lượng trẻ: 38 trẻ - Trang bị đầy đủ đồ chơi cho nhóm lớp - Đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ - Số lượng GV: 02 GV + 02 GV có trình độ chuyên môn Đại học.	- Thực hiện tuyển sinh theo quy định, điều lệ trường mầm non - 03 lớp 3 - 4 tuổi - 04 lớp 4 - 5 tuổi - 06 lớp 5 - 6 tuổi - Đảm bảo diện tích các phòng học cho số lượng trẻ. - Các phòng học được trang bị đầy đủ các dụng cụ, đồ dùng. - Trang bị đầy đủ đồ chơi cho các nhóm lớp,. - Có kế hoạch, mục tiêu thực hiện chương trình giáo dục cụ thể theo từng độ tuổi. - Đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ - Số lượng GV: 27 GV + 26 GV có trình độ chuyên môn Đại học, 01 GV có trình độ chuyên môn Trung cấp
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	- Triển khai và chỉ đạo việc thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non. (Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Thông tư Ban hành Chương trình giáo dục mầm non). - 100% lớp thực hiện có chất lượng chương trình GDMN, qui chế chuyên môn và chế độ sinh hoạt trong ngày của trẻ. - 100% trẻ được đánh giá	- Triển khai và chỉ đạo việc thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non. (Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Thông tư Ban hành Chương trình giáo dục mầm non). - 100% lớp thực hiện có chất lượng chương trình GDMN, qui chế chuyên môn và chế độ sinh hoạt trong ngày của trẻ. - 100% trẻ 5 tuổi được thực

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
		theo quy định	hiện đánh giá theo Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi.
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	- 100% trẻ được theo dõi về sức khỏe. - Đạt 96% trẻ có kênh bình thường theo biểu đồ cân nặng. - Đạt 96% trẻ có kênh bình thường tính theo biểu đồ chiều cao - Giúp trẻ phát triển tốt về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm thẩm mỹ và quan hệ xã hội. - Hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, hình thành và phát triển ở trẻ những chức năng tâm lí, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng.	- 100% trẻ được theo dõi về sức khỏe. - Đạt 96% trẻ có kênh bình thường theo biểu đồ cân nặng. - Đạt 96% trẻ có kênh bình thường tính theo biểu đồ chiều cao - Giúp trẻ phát triển tốt về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm thẩm mỹ và quan hệ xã hội. - Hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, hình thành và phát triển ở trẻ những chức năng tâm lí, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng. - Giáo dục những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng ẩn nhằm giúp trẻ có nền tảng tốt để chuẩn bị cho các lớp học tiếp theo.
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	- Trang bị cơ sở vật chất bán trú để đảm bảo công tác chăm sóc giáo dục và nuôi dưỡng trẻ đạt tốt. - Trang bị đầy đủ đồ dùng, đồ chơi các nhóm lớp, các đồ chơi phát triển vận động... để đảm bảo tốt hoạt động vui chơi và học tập cho trẻ. - Cải tạo sân chơi, vườn cây của bé, xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp. - Thực hiện kết nối mạng wifi toàn trường, tạo điều kiện cho việc thông tin, báo cáo, quản lý hoạt động giảng dạy kịp thời.	

TP. Thủ Đức, ngày 09 tháng 9 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị


Nguyễn Thị Tuyền

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG MẦM NON PHƯỚC BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2024 - 2025

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	596			38	109	182	267
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	596			38	109	182	267
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	596			38	109	182	267
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	596			38	109	182	267
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	596			38	109	182	267
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường							
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	22			11	5	3	3
3	Số trẻ có chiều cao bình thường							
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	7			2	2	1	2
5	Số trẻ thừa cân béo phì	35				12	8	15
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	596			38	109	182	267
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	38			38			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	558				109	182	267

TP. Thủ Đức, ngày 09 tháng 9 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Tuyền

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG MẦM NON PHƯỚC BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non,
năm học 2024 - 2025**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	14	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	14	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	7982	
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	2503	
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	132	
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)		
4	Diện tích hiên chơi (m ²)		
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	144	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	100	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	165	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	14	Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	14	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định		
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	16	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	41	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Tivi	14	
2	Máy photocopy	1	
3	Máy in màu	1	
4	Máy scan	1	
5	Bảng tương tác	1	
6	Máy chiếu	1	
7	Laptop	2	
8	Máy vi tính	20	

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	16		14		2
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	
..			

TP. Thủ Đức, ngày 09 tháng 9 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Tuyền

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG MẦM NON PHƯỚC BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở
giáo dục mầm non, năm học 2024 - 2025**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	48		01	32	01	04	11	01	13	18	31	01		
I	Giáo viên	29			28		01		01	13	15	28	01		
1	Nhà trẻ	02			02					02		02			
2	Mẫu giáo	27			26		01		01	11	15	26	01		
II	Cán bộ quản lý	03		01	02						03	03			
1	Hiệu trưởng	01		01							01	01			
2	Phó hiệu trưởng	02			02						02	02			
III	Nhân viên	16			01	01	03	11							
1	Nhân viên văn thư	01				01									
2	Nhân viên kế toán	01			01										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	01					01								
5	Nhân viên khác	13					02	11							

TP. Thủ Đức, ngày 09 tháng 9 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Tuyền